

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 1771 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc 16K

Đồng Xoài, ngày 24 tháng 6 năm 2009

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán chi phí phục vụ công tác GPMB  
dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Tân Khai - Tân Quan,  
huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường Tân Khai - Tân Quan, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định Số 1554/QĐ-UBND ngày 03/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Tân Khai - Tân Quan, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 795/STC-GCS ngày 11/6/2009; Tờ trình số 105/TTr-TTPTQĐ ngày 01/6/2009 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí phục vụ công tác GPMB dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Tân Khai - Tân Quan, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước với tổng dự toán là: 170.510.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu, năm trăm mười ngàn đồng).

*(Bảng tổng hợp chi phí kèm theo)*

**Điều 2.** Các ông/bà Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Chơn Thành, Bình Long, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như điều 2;
- LĐVP, PTCD, CV: Luân;
- Lưu: VT(L70-09).



*Nguyễn Văn Lợi*



**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB**  
**DỰ ÁN: NÂNG CẤP, MỞ RỘNG ĐƯỜNG TÂN KHAI - TÂN QUAN**

theo Quyết định số **1771** /QĐ-UBND ngày **24** tháng **6** năm 2009 của UBND tỉnh

| STT       | NỘI DUNG CÔNG VIỆC                                                                          | ĐỊNH MỨC                                    | SỐ LƯỢNG | THÀNH TIỀN (đồng) | GHI CHÚ |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------|-------------------|---------|
| <b>A</b>  | <b>Chi phí xây dựng phương án tổng thể</b>                                                  |                                             |          |                   |         |
| <b>I</b>  | <b>Chi phí điều tra, khảo sát</b>                                                           |                                             |          |                   |         |
| 1         | Chi phí phục vụ cho cán bộ xã                                                               | 04 ngày x (50.000đ/ngày + 25.000 tiền xăng) | 03 người | 900.000           |         |
| 2         | Chi phí phục vụ cho CBVC và người lao động Trung tâm                                        | 04 ngày x (50.000đ/ngày + 25.000 tiền xăng) | 06 người | 1.800.000         |         |
| <b>II</b> | <b>Chi phí tổng hợp, xây dựng phương án tổng thể</b>                                        | 03 ngày x (50.000đ/ngày)                    | 02 người | 300.000           |         |
| <b>B</b>  | <b>Chi phí tiền công và các khoản phụ cấp để thực hiện dự án từ tháng 04/2009- 07/2009:</b> |                                             |          |                   |         |
| <b>I</b>  | <b>Tiền công và các khoản phụ cấp:</b>                                                      |                                             |          |                   |         |
| 1         | Phụ cấp công tác phí của lực lượng kiểm kê                                                  | 20 người x 50.000đ/ngày/người               | 40 ngày  | 40.000.000        |         |
| 2         | Phụ cấp làm ngoài giờ của lực lượng kiểm kê                                                 | 20 người x 50.000đ/ngày/người               | 12 ngày  | 12.000.000        |         |
| 3         | Phụ cấp xăng cho lực lượng thực hiện công tác kiểm kê                                       | 19 người x 2lít/người/ngày x 12.500đ/lít    | 40 ngày  | 19.000.000        |         |
| 4         | Phụ cấp kiêm nhiệm cho CBVC của Trung tâm                                                   | 08 người x 10% (Hệ số lương, phụ cấp)       | 120 ngày | 4.680.000         |         |
| 5         | Chi phí áp giá                                                                              | 50.000 đồng/công                            | 120 công | 6.000.000         |         |
| 6         | Hỗ trợ tiền ăn trưa                                                                         | 20.000đ/người x 20 người                    | 40 ngày  | 16.000.000        |         |
| <b>C</b>  | <b>CHI PHÍ VĂN PHÒNG PHẨM VÀ CHI KHÁC</b>                                                   |                                             |          |                   |         |
| 1         | Bảng hiệu trụ sở dự án (bảng tạm)                                                           | 300.000 đồng                                | 1 cái    | 300.000           |         |
| 2         | Điện, nước sinh hoạt                                                                        | 300.000/tháng                               | 03 tháng | 900.000           |         |
| 3         | Cước điện thoại                                                                             | 300.000                                     | 03 tháng | 900.000           |         |
| 4         | Tiền nước uống                                                                              | 200.000                                     | 03 tháng | 600.000           |         |
| 5         | Chi xác nhận tính pháp lý của hồ sơ                                                         |                                             |          | 4.000.000         |         |
| 6         | Chi phí văn phòng phẩm, in ấn tài liệu, bản đồ                                              |                                             |          | 10.000.000        |         |
| 7         | Chi phí họp dân                                                                             | 1 lần/tháng x 03 xã x 1.000.000 đồng/lần    | 03 tháng | 9.000.000         |         |
| 8         | Chi phí họp HĐBT GPMB tại 02 huyện                                                          | 1 lần/tháng x 2 huyện x 1.500.000đ/lần      | 03 tháng | 9.000.000         |         |
| 9         | Chi phí họp UBND tỉnh, các ban ngành và Ban QLDA đường Tân Khai-Tân Quan                    | 1 lần x 2.000.000đ/lần                      | 01 lần   | 2.000.000         |         |

|                   |                                                                                         |                                         |          |                    |  |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------|--------------------|--|
| 10                | Thuê Trụ sở và nhà cho thuê BSV và người lao động của Trung tâm                         | 1.500.000đ/tháng                        | 03 tháng | 4.500.000          |  |
| 11                | Chi phí giải quyết khiếu nại                                                            |                                         |          | 3.000.000          |  |
| 12                | Chi phí thực hiện chi trả bồi thường/xây dựng theo biểu phí Ngân hàng Công thương       |                                         |          |                    |  |
| a                 | Hỗ trợ xe áp tải tiền chi trả bồi thường                                                | 06 chuyến x 800.000 đồng/chuyến         |          | 4.800.000          |  |
| b                 | Chi phí phục vụ cho nhân công kiểm điểm, kiểm soát, quản lý và chịu trách nhiệm pháp lý | 05 người x 200.000 đồng/người x 06 ngày |          | 6.000.000          |  |
| c                 | Trách nhiệm phí                                                                         | 1.654.539.200 x 0.02%                   |          | 330.000            |  |
| d                 | Chi phí thuê bảo vệ                                                                     | 01 người x 100.000 đồng/người x 06 ngày |          | 600.000            |  |
| 13                | Chi phí thẩm định phương án bồi thường                                                  |                                         |          | 8.000.000          |  |
| 14                | Chi phí thuê xe phục vụ cho việc thực hiện dự án                                        | Đồng Xoài - Bình Long (3 chuyến)        | 800.000  | 2.400.000          |  |
|                   |                                                                                         | Đồng Xoài - Chơn Thành (3 chuyến)       | 500.000  | 1.500.000          |  |
| 15                | Chi phí dự phòng                                                                        |                                         |          | 2.000.000          |  |
| <b>TỔNG CỘNG:</b> |                                                                                         |                                         |          | <b>170.510.000</b> |  |

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu, năm trăm mười ngàn đồng)